

Số: 59/2026/QĐST - DS

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21/5/2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 118/2026/TLST- DS ngày 19 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần M

Địa chỉ trụ sở: đường L, phường Y, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Nguyễn Văn O và ông Phạm Tiến Đ – Chuyên viên xử lý nợ, Công ty M
(Theo văn bản uỷ quyền số 11255/UQ-MBAMC ngày 19/9/2025)

- *Bị đơn:* bà Hoàng Thị P, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP M và bị đơn bà Hoàng Thị P cùng chấm dứt trước hạn Hợp đồng cho vay số 0001.24.606.32869024.TD ngày 26/3/2024 ký giữa Ngân hàng TMCP M và bà Hoàng Thị P.

2.2. Tính đến ngày 21/5/2026, bà Hoàng Thị P còn nợ Ngân hàng TMCP M tổng số tiền phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 0001.24.606.32869024.TD ngày 26/3/2024 và Văn bản nhận nợ số LD248663313 ngày 26/3/2024 là 7.529.403.398

đồng (*Bảy tỷ, năm trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm linh ba nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng*), trong đó:

Nợ gốc là: 6.761.484.928 đồng (*Sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng*);

Nợ lãi trong hạn là: 695.022.951 đồng (*Sáu trăm chín mươi lăm triệu, không trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi một đồng*);

Lãi quá hạn là: 39.593.491 đồng (*Ba mươi chín triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm chín mươi một đồng*);

Lãi chậm trả là: 33.302.028 đồng (*Ba mươi ba triệu, ba trăm linh hai nghìn, không trăm hai mươi tám đồng*).

2.3. Ngân hàng TMCP M và bị đơn bà Hoàng Thị P cùng thống nhất phương án trả nợ như sau:

Chậm nhất đến ngày 31/5/2026, bà Hoàng Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP M số tiền tạm tính đến ngày 21/5/2026 là: 7.529.403.398 đồng (*Bảy tỷ, năm trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm linh ba nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng*) và toàn bộ số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP M theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay số 0001.24.606.32869024.TD ngày 26/3/2024 và Văn bản nhận nợ số LD248663313 ngày 26/3/2024, kể từ ngày 01/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.4. Trường hợp bà Hoàng Thị P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 189, tờ bản đồ số 126, địa chỉ: thôn 4, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số DH 540389, sổ vào sổ cấp GCN: CN 80591 do Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long cấp ngày 07/7/2023 mang tên ông Nguyễn Ngọc Q, đăng ký biến động quyền sử dụng đất ngày 29/3/2024 cho bà Hoàng Thị P. Chi tiết tại hợp đồng thế chấp số 304800.24.606.32869024.BĐ ngày 01/4/2024.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 188, tờ bản đồ số 126, địa chỉ: thôn 4, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số DH 540388, sổ vào sổ cấp GCN: CN 80590 do Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long cấp ngày 07/7/2023 mang tên ông Nguyễn Ngọc Q, đăng ký biến động quyền sử dụng đất ngày 29/3/2024 cho bà Hoàng Thị P. Chi tiết tại hợp đồng thế chấp số 304802.24.606.32869024.BĐ ngày 01/4/2024.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 126, địa chỉ: thôn 4, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số DH 540387, sổ vào sổ cấp GCN: CN 80589 do Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long cấp ngày 07/7/2023 mang tên ông Nguyễn Ngọc

Q, đăng ký biến động quyền sử dụng đất ngày 29/3/2024 cho bà Hoàng Thị P. Chi tiết tại hợp đồng thế chấp số 304801.24.606.32869024.BĐ ngày 01/4/2024.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 126, địa chỉ: thôn 4, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số DH 540386, sổ vào sổ cấp GCN: CN 80588 do Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long cấp ngày 07/7/2023 mang tên ông Nguyễn Ngọc Q, đăng ký biến động quyền sử dụng đất ngày 29/3/2024 cho bà Hoàng Thị P. Chi tiết tại hợp đồng thế chấp số 304803.24.606.32869024.BĐ ngày 01/4/2024.

2.5. Trong trường hợp số tiền được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì bà Hoàng Thị P phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP M cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

2.6. Về án phí: bà Hoàng Thị P phải nộp 57.764.701 đồng (*Năm mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, bảy trăm linh một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.504.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu, năm trăm linh bốn nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001979 ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ninh.

2.7. Về chi phí tố tụng: bà Hoàng Thị P phải nộp 15.300.000 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng TMCP Quân đội M đã nộp tạm ứng 15.300.000 đồng theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 126/2025/TB -TA ngày 17/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh nên bà Hoàng Thị P có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP M 15.300.000 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thuý Huyền

